

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- A Nguyễn Viết Th, sinh năm 1990; Nơi thường trú: TDP 1, thị trấn KT, huyện PL, thành phố Huế.

- Chị Nguyễn Thị LA1 A, sinh năm 2001; Nơi thường trú: Xã HX, huyện PL, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quA1 hệ hôn nhân: A Nguyễn Viết Th và chị Nguyễn Thị LA1 A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là huyện PL, thành phố Huế vào ngày 24 tháng 6 năm 2021 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 14). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, A Th và chị LA1 A thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quA1 điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Xét thấy, A Th và chị LA1 A tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của A Nguyễn Viết Th và chị Nguyễn Thị LA1 A.

[2] Về con chung: A Nguyễn Viết Th và chị Nguyễn Thị LA1 A có 01 người con chung là cháu Nguyễn Lê Minh A1, sinh ngày: 07/11/2021. Hai bên đã thỏa thuận là giao cháu Minh A1 cho A Nguyễn Viết Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Nguyễn Thị LA1 A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: A Nguyễn Viết Th và chị Nguyễn Thị LA1 A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quA1 hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa A Nguyễn Viết Th, sinh năm: 1990 và chị Nguyễn Thị LA1 A, sinh năm: 2001.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Minh A1, sinh ngày: 07/11/2021 cho cho A Nguyễn Viết Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Nguyễn Thị LA1 A không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị LA1 A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: A Nguyễn Viết Th và chị Nguyễn Thị LA1 A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), A Nguyễn Viết Th tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002342 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là huyện PL, thành phố Huế; A Th đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA1 hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA1D thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- UBND thị trấn Khe Tre, huyện PL;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh

